TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 4 năm 2019
V/v: "Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Mạnh Thắng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Tư.
2. Ông Nguyễn Văn Môn.

-Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Đặng Văn Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hán- Kiểm sát viên.

Ngày 25/4/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 459/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 12/3/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/4/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Đào Đức Quang, sinh năm 1972 (Có mặt).

*** Bị đơn:** Chị Trần Thị Vĩnh, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Đều HKTT: Số 57 ngõ 10 đường Nguyễn Cao, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Đào Đức Quang trình bày:

Anh và chị Trần Thị Vĩnh chung sống cùng với nhau như vợ chồng từ ngày 10/7/1994 nhưng không đi làm thủ tục đăng ký kết hôn, việc chung sống của anh và chị Vĩnh là hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi lễ truyền thống. Sau khi tổ chức lễ cưới anh chị về chung sống với nhau tại phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang.

Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc. Nhưng thời gian khoảng 5 năm sau đó thì giữa anh chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Vĩnh thường xuyên chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, kinh tế gia đình khó khăn. Anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị Vĩnh vẫn vậy, không thay đổi. Từ đó, anh và chị Vĩnh luôn căng thẳng với nhau, cãi vã với nhau, sống không hạnh phúc. Đến đầu năm 2017 thì anh chị ly thân, chị Vĩnh đã rời bỏ nhà đi nơi khác sinh sống. Từ đó đến nay chị Vĩnh không liên lạc, quan tâm gì đến anh và các

con. Đến nay, anh xác định không còn tình cảm gì với chị Vĩnh, do anh và chị Vĩnh không đăng ký kết hôn nên anh đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị Vĩnh là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị Vĩnh có 02 con chung là Đào Thị Thương Thương, sinh ngày 06/6/2003 và Đào Đức Trung, sinh năm 1995. Hiện cháu Trung đã trưởng thành, do vậy anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng với cháu Thương thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại anh đang có công việc, thu nhập ổn định đủ đảm bảo điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 13/12/2018, Tổ trưởng tổ dân phố số 05, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang cung cấp: Anh Quang và chị Vĩnh là công dân của địa phương, có thời gian sống chung tại địa phương, hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Tuy nhiên, hiện tại chị Vĩnh không còn chung sống với anh Quang tại địa phương nữa. Hiện chị Vĩnh đang ở đâu, làm gì thì địa phương không nắm được. Anh Quang và chị Vĩnh có 02 con chung và hiện tại đều đang sinh sống với anh Quang tại địa phương.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 25/02/2019, con chung của anh Quang, chị Vĩnh: Cháu Đào Thị Thương Thương trình bày nguyện vọng được ở với anh Quang khi anh Quang và chị Vĩnh không còn chung sống với nhau nữa.

Tại biên bản xác minh ngày 15/01/2019, UBND phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang cung cấp: Không có trường hợp nào tên là Đào Đức Quang, sinh năm 1972 và Trần Thị Vĩnh, sinh năm 1971 đăng ký kết hôn tại UBND phường Ngô Quyền.

Tại biên bản xác minh ngày 19/02/2019, UBND phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang cung cấp: Không có trường hợp nào tên là Đào Đức Quang, sinh năm 1972 và Trần Thị Vĩnh, sinh năm 1971 đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê Lợi.

Đối với bị đơn là chị Trần Thị Vĩnh, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần tống đạt giấy báo làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị Vĩnh vẫn vắng mặt không có lý do và không có quan điểm thể hiện việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay anh Quang giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Tòa án không tiến hành tranh luận tại phiên tòa do chị Vĩnh vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đào Đức Quang và chị Trần Thị Vĩnh.

+ Về con chung: Giao cho anh Quang trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đào Thị Thương Thương, sinh ngày 06/6/2003. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Anh Quang phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Quang thì thấy đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình. Anh Quang yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị Vĩnh là vợ chồng và yêu cầu giải quyết nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo khoản 7 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là chị Vĩnh đã được Toà án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với chị Vĩnh.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Quang và chị Vĩnh chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng suốt quá trình chung sống không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa anh Quang và chị Vĩnh không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Quang và chị Vĩnh.

[3] Về con chung:

Anh Quang và chị Vĩnh có 02 con chung là Đào Thị Thương Thương, sinh ngày 06/6/2003 và Đào Đức Trung, sinh năm 1995. Hiện cháu Trung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đối với cháu Thương, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị Vĩnh không có quan điểm thể hiện việc có nguyện vọng nuôi con chung hay không. Mặt khác, anh Quang lại tha thiết được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thương và bản thân cháu Thương cũng có nguyện vọng được ở với anh Quang. Hơn nữa, anh Quang hiện có việc làm với thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, việc giao con chung cho anh Quang trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Quang phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đào Đức Quang và chị Trần Thị Vĩnh.

2. Về con chung: Giao con chung là Đào Thị Thương Thương, sinh ngày 06/6/2003 cho anh Quang trực tiếp nuôi dưỡng.

- Chị Vĩnh có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Vĩnh thực hiện quyền này.

- Trường hợp cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Quang phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang theo biên lai số AA/2012/07175 ngày 10/12/2018. Xác nhận anh Quang đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Quang có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Vĩnh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP. Bắc Giang;
- CCTHADS TP. Bắc Giang;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Mạnh Thắng